

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Lan và ông Bùi Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024 về việc “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 2, khu Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 3, khu Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1976; nơi ở: thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Năm 2001, chị Lê Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đức H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, do cuộc sống chung không mấy hạnh phúc nên anh H đã bỏ vào Gia Lai làm ăn sinh sống từ năm 2008. Anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Trong thời gian sống ly thân với anh H, chị H phát sinh tình cảm với anh Trần Văn T và anh, chị đã có với nhau 01 con chung là Trần Ngọc D (tên dự kiến đặt khi khai sinh), sinh ngày 06/8/2021. Nay, chị H đề nghị Toà án giải quyết xác định anh Trần Văn T là cha của cháu Trần Ngọc D.

* Bị đơn anh Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày về quan hệ tình cảm giữa anh T với chị H và về việc anh, chị có 01 con chung như nội dung lời khai của chị Lê Thị H nêu trên. Anh T nhất trí với quan điểm của chị H về việc xác định anh Trần Văn T là cha của cháu Trần Ngọc D (tên dự kiến ghi trong giấy khai sinh).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H thể hiện quan điểm tại bản trình bày ý kiến đề ngày 11/7/2024 như sau: anh H và chị H là vợ chồng nhưng đã không chung sống với nhau từ lâu. Do vậy, việc chị H có chồng hay con như thế nào không liên quan đến anh H và không trình bày gì thêm.

Các tài liệu, chứng cứ chị Lê Thị H nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: bản sao Giấy chứng sinh số 11573 ngày 06/8/2021 của Bệnh viện sản nhi Quảng Ninh thể hiện nội dung: chị Lê Thị H đã sinh 01 con (giới tính nữ) vào lúc 11 giờ ngày 06/8/2021; kết quả xét nghiệm ADN của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền – GENLAB kết luận: Trần Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Trần Ngọc D độ tin cậy >99,9999%; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao căn cước công dân.

Các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập gồm: căn cước công dân mang tên anh Nguyễn Đức H (do Toá án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai thực hiện uỷ thác); Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 20/KLGĐADN –TTPY ngày 29/7/2024 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Quảng Ninh kết luận: cháu Trần Ngọc D là con của anh Trần Văn T.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: căn cứ nội dung chị Lê Thị H và anh Trần Văn T đều thừa nhận có quan hệ tình cảm trong thời gian chị H sống ly thân với anh H và đều thừa nhận cháu Trần Ngọc D là con chung của anh, chị; anh Nguyễn Đức H cũng xác nhận anh H, chị H đã từ lâu không chung sống cùng nhau; Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 20/KLGĐADN –TTPY ngày 29/7/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Quảng Ninh kết luận: cháu Trần Ngọc D là con của anh Trần

Văn T. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 101; khoản 3 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, xác định anh Trần Văn T là cha của cháu Trần Ngọc D (tên dự kiến đặt khi khai sinh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn khởi kiện của chị Lê Thị H là tranh chấp xác định cha cho con quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh H đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án tiến hành thu thập theo đúng trình tự pháp luật quy định, các đương sự không có ý kiến gì. Do đó, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được sử dụng là căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 39 của Bộ luật dân sự, chị Lê Thị H có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định anh Trần Văn T là cha đẻ của cháu Trần Ngọc D

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập nêu trên, Hội đồng thấy có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H về việc “xác định cha cho con”, xác định anh Trần Văn T là cha của cháu Trần Ngọc D

[3] Về án phí: chị Lê Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí giám định: chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định (chị H đã nộp đủ).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ:

- Khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 161; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, về việc: “xác định cha cho con” đối với bị đơn là anh Trần Văn T.

Xác định anh Trần Văn T (sinh ngày 07/8/1976; nơi cư trú: tổ 3, khu Q, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số 022076007911 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/9/2021) là cha của cháu Trần Ngọc D (tên dự kiến đặt khi khai sinh), sinh ngày 06/8/2021 theo giấy chứng sinh lập hồi 15 giờ 38 phút ngày 06/8/2021, mã YT: 22/22150/21/011882, số BA: 22150.21.07.0709, mã BN: 22150.19006791, số 11573 của Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Quảng Ninh.

2. Về chi phí tố tụng: chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định (chị H đã nộp đủ).

3. Về án phí: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp, theo biên lai thu số 0000675 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng